TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : **169**/2023/HSST
Ngày : 07/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

2/ Ông Đặng Tấn Đức;

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 189/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **CHUNG KIỀU T**; Giới tính: Nữ; sinh ngày: 13/10/1994 tại Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Con ông Chung Ngân Đ, sinh năm 1952 và bà Trần Thị Kim B, sinh năm 1956; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2023;

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1/ Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1993;

Địa chỉ: D Kênh T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chị Hùng Mỹ L, sinh năm 1974;

Địa chỉ: G N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Chị Đỗ Thị Mỹ L1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 3 H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(các bị hại vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Chung Ngân Đ1, sinh năm 1952 ngụ tại ấp G, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;

(vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chung Kiều T và Phạm Thị Hồng L2 là bạn bè quen biết nhau từ trước. Do cần tiền tiêu xài nên L2 và T rủ nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, cả hai đã thực hiện được 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 25/6/2012, T điều khiển xe máy hiệu Attila, biển số 54S3-8488 chở L2 đi ngang qua tiệm C1 số 413 Kênh T, phường H, quận T, do chị Hoàng Thị M làm chủ, L2 kêu T dừng xe, L2 đi bộ vào quan sát, thấy dưới chân giường massage có để 01 điện thoại di động hiệu S, nên L2 đi ra nói T vào giả vờ nói chuyện với chị M, nhằm đánh lạc hướng để L2 lấy trộm chiếc điện thoại di động, T đồng ý. Trong lúc T và chị M nói chuyện, L2 lén lút lấy trộm điện thoại di động của chị M giấu vào túi quần, rồi cả hai đi ra ngoài. Sau đó, T chở L2 tẩu thoát, còn chị M phát hiện bị mất trộm tài sản, nên đến Công an phường H trình báo.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đi đến tiệm C2 số G N, phường P, quận T, do chị Hùng Mỹ L làm chủ, thấy trong tiệm không có người, nên T dừng xe, còn L2 đi bộ vào trong quan sát, thấy trên mặt bàn phía bên trái có để một điện thoại di động hiệu LG, L2 liền lén lấy cất vào túi quần, rồi chạy ra ngoài leo lên xe T chở bỏ chạy. Lúc này, chị L từ dưới bếp đi lên phát hiện nên đuổi theo T và L2, nhưng không kịp.

Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, T tiếp tục chở L2 đi ngang qua khu nhà trọ số C H, phường P, quận T, T dừng xe, L2 đi bộ vào trong dãy nhà trọ tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang qua phòng trọ số 6 do chị Đỗ Thị Mỹ L1 thuê, thấy cửa phòng trọ không khóa, L2 đẩy cửa, quan sát bên trong không có người, trên nệm có để một điện thoại di động Iphone 4, L2 đi vào lấy trộm rồi chạy ra ngoài, leo lên xe T chở bỏ chạy. Lúc này, chị L1 đi từ phòng tắm ra phát hiện nên tri hô cùng quần chúng đuổi theo. Khi đến trước nhà số C H, phường P, quận T, thì xe của T bị ngã, L2 giả vờ ngất xỉu, nên quần chúng tập trung bắt giữ T. Lợi dụng sơ hở L2 bỏ lại 03 chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp chạy bộ tẩu thoát, còn T bị đưa về Công an phường P, quận T để xử lý. Đến ngày 27/6/2012, Công an phường đã mời Phạm Thị Hồng L2 lên làm việc.

Ngày 30/8/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phạm Thị Hồng L2 và Chung Kiều T.

Ngày 25/10/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T thay đổi biện pháp ngăn chặn, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Chung Kiều T, T bỏ trốn khỏi địa phương nên không thi hành được.

Ngày 25/12/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T tạm đình chỉ điều tra bị can và ra quyết định truy nã đối với Chung Kiều T.

Đến ngày 29/07/2023, Chung Kiều T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Chung Kiều T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình và biết rõ bản thân đang bị truy nã, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Đối với Phạm Thị Hồng L2, ngày 05/03/2013 bị Tòa án nhân quận T xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 120/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 03/08/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận T, thời điểm định giá ngày 25/6/2012, kết luận:

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, Imei: 012836006434420, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 80%, có trị giá 8.000.000 đồng;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu LG GD580, Imei: 357232039083082, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 65%, có trị giá 800.000 đồng;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Samsung S5233, Imei: 35587103500908/8, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 60%, có trị giá 1.200.000 đồng;

Tổng cộng 10.000.000 đồng;

*** Vật chứng:**

- Một (01) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, một (01) điện thoại di động hiệu LG GD580 và một (01) điện thoại di động hiệu S) đã trả lại cho các chị Đỗ Thị Mỹ L1, Hùng Mỹ L và Hoàng Thị M;

- Một (01) xe máy hiệu SYM Attila Elizabeth, màu đỏ, biển số 54S3-8488 đã qua sử dụng. T dùng chở L2 thực hiện hành vi phạm tội;

Qua xác minh, xe máy trên do anh Nguyễn Ngọc T1 đứng tên sở hữu. Đến tháng 06/2009, anh T1 bán đã xe máy trên cho chị Nguyễn Thị Thanh N. Đến khoảng tháng 11/2011, chị N cầm xe gắn máy trên cho cửa hàng C3 địa chỉ E Â, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh do anh Nguyễn Văn N1 làm chủ. Ngày 31/05/2012, anh T2 đã bán xe máy trên cho ông Chung Ngân Đ (cha ruột của Chung Kiều T) với giá 20.000.000 đồng. Đến ngày 25/06/2012, T mượn xe máy trên để đi chơi, sau đó làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, ông Đ không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lại cho ông Đ;

- Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 6300, Imei: 359317029962094 là điện thoại T sử dụng liên lạc cá nhân;

Hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 252 ngày 27/6/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

*** Về phần dân sự:** Bị hại là chị Hoàng Thị M, chị Hùng Mỹ L và chị Đỗ Thị Mỹ L1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 190/CT-VKS ngày 20 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Chung Kiều T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 xử phạt bị cáo C Kiều Trang mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật;

Bị cáo Chung Kiều T nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của những người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 50 phút ngày 25/6/2012, Chung Kiều T đã cùng Phạm Thị Hồng L2 có hành vi lén lút trộm cắp 03 điện thoại di động gồm một điện thoại di động hiệu Samsung S5233 của chị Hoàng Thị M tại số D Kênh T, phường H, quận T; một điện thoại di động hiệu LG GD580 của chị Hùng Mỹ L tại số G N, phường P, quận T và một điện thoại di động hiệu Iphone 4 của chị Đỗ Thị Mỹ L1 tại phòng trọ số 6 thuộc khu phòng trọ tại nhà số C H, phường P, quận T với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 10.000.000 đồng thì bị bắt giữ. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Mặc dù tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên nhưng đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút trộm cắp chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết có một hình phạt thật nghiêm khắc nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T chưa đủ 18 tuổi do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng chế định pháp luật dành cho người chưa thành niên phạm tội quy định tại các Điều 90, 91 và 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử đối với bị cáo;

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình làm việc, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không có gì để giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe máy hiệu SYM Attila Elizabeth, màu đỏ, biển số 54S3-8488 đã qua sử dụng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã trả lại cho ông C Ngân Đức nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 6300, Imei: 359317029962094 là điện thoại T sử dụng liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho số 252 ngày 27/6/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh)

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Chung Kiều T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo:

C (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/7/2023;

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho bị cáo;

* Áp dụng Điều 106; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Trả cho bị cáo một 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 6300, Imei: 359317029962094;

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho số 252 ngày 27/6/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật;

Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- Các bị hại;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an quận Tân Phú;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27 CATP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Huỳnh Hoàng Phương